| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 311/2023/HSPT
Ngày 15-8-2023

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Việt Cường**
*Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Tấn Long**
Ông **Phạm Tồn.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Văn Thị Mỹ Thảo** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông **Nguyễn Nam Anh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15-8-2023, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 105/2023/TLPT-HS ngày 06-3-2023 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

***- Các bị cáo kháng cáo:***

**1.** Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1960, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký HKTT: Số D Â, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Số B Tòa nhà M, số D T, phường X, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa; con ông Nguyễn Đông M và bà Trần Thị K (đều đã chết); vợ là Lê Thy P, sinh năm 1962 (Ly hôn năm 2019) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**2.** Vũ Xuân T1, sinh năm 1958, tại Nam Định; nơi đăng ký HKTT: Số G T, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Số G đường A Khu đô thị V, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa; con ông Vũ Xuân H và bà Vũ Thị T2 (đều đã chết); vợ là Kiều Thị L, sinh năm 1963 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**3.** Trần Quang B, sinh năm 1957, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số A T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa; con ông Trần Quang C và bà Ngô Thị N (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1965 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**4.** Lê Huy T3, sinh năm 1964, tại Quảng Bình; nơi đăng ký HKTT: Số B T, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: Số A V, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 10/10; nghề nghiệp: Nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N; con ông Lê Huy T4 (đã chết) và bà Nguyễn Thị K1, sinh năm 1933; vợ là Huỳnh Thị H2, sinh năm 1970 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 143/2020/HS-PT ngày 29-5-2020, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xử phạt 09 tháng tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng (Chấp hành xong bản án ngày 29-8-2022).

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**5.** Trần Sỹ Q, sinh năm 1968, tại Hà Nội; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: B - Chung cư H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa; con ông Trần Tấn Q1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1940; vợ là Đặng Thị H3, sinh năm 1972 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**6.** Trần Văn T5, sinh năm 1960, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số C S, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh KHÁNH HÒA; con ông Trần Đ1 và bà Nguyễn Thị B1 (đều đã chết); vợ là Nguyễn Thị Mỹ H4, sinh năm 1959 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**7.** Nguyễn Ngọc T6, sinh năm 1959, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số A N, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên Phó trưởng phòng Phòng Vật giá thuộc Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa; con

ông Nguyễn C1, sinh năm 1938 và bà Phan Thị H5 (đã chết); vợ Nguyễn Thị Thu T7, sinh năm 1962 (Ly hôn năm 2003) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

**8.** Nguyễn Văn N1, sinh năm 1976, tại Khánh Hòa; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Số A N, N, phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa; con ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1949 và bà Huỳnh Thị K2, sinh năm 1948; vợ là Trần Thị D, sinh năm 1977 và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo:*

Công ty Cổ phần T20; địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện B, tỉnh Long An.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lưu Quốc D1 - Chức vụ: Tổng Giám đốc, có mặt tại phiên tòa.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

Ông Lương Khải Â - Chuyên gia Pháp chế thuộc Công ty Cổ phần T20, có mặt tại phiên tòa.

***Người tham gia tố tụng có liên quan đến kháng cáo:***

***Người bào chữa:***

***1.*** *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Ngọc T*:*

**1.1.** Luật sư Lê Văn T9 - Văn phòng Luật sư Lê Văn T9 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

***2.*** *Người bào chữa cho bị cáo* Vũ Xuân T1*:*

Luật sư Nguyễn Hồng H6 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Hồng H6, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

***3.*** *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Quang B*:*

Luật sư Đặng Thị Kim N2 - Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

***4.*** *Người bào chữa cho bị cáo* Lê Huy T3*:*

Luật sư Lê Văn T9 - Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

***5.*** *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Sỹ Q*:*

Luật sư Hà H7 - Văn phòng L3, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

***6.*** *Người bào chữa cho bị cáo* Trần Văn T5*:*

Luật sư Nguyễn Đắc Minh S - Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

***7.*** *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Ngọc T6*:*

- Luật sư Nguyễn Văn P1 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn P1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

- Luật sư Nguyễn Văn H8 - Văn phòng Luật sư Nguyễn Văn H8, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

Luật sư Lê Văn T9 - Văn phòng Luật sư Lê Văn T9 và Cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

***8.*** *Người bào chữa cho bị cáo* Nguyễn Văn N1*:*

Luật sư Lê Văn T10 - Văn phòng L5, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Khánh Hòa, có mặt tại phiên tòa.

***Nguyên đơn dân sự:***

Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

*Người đại diện theo ủy quyền:*

Ông Vĩnh T11 - Chức vụ: Giám đốc Sở tài chính tỉnh Khánh Hòa, có đơn xin xét xử vắng mặt.

***Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Bộ:***

*Chủ tịch Hội đồng:* Ông Đào Trung C2, vắng mặt.

*(Vụ án còn có 05 bị cáo khác nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị; có 35 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng không liên quan đến kháng cáo, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không triệu tập).*

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau*:

Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa tại số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa có diện tích đất là 7.388,9 $m^2$ được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) tỉnh Khánh Hòa quy hoạch chuyển vào Khu trường học, đào tạo và dạy nghề B, xã P, thành phố N (đã được UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000), vị trí xây mới Trường Chính trị tỉnh có diện tích khoảng 2,76 ha.

Ngày 25-5-2011, Nguyễn Chiến T12 - Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ký Tờ trình số 2539/TTr-UBND báo cáo, xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép thực hiện một số dự án trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (sau đây gọi tắt là Hợp đồng BT). Trong đó, xin xây dựng mới Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BT và được áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án này.

Ngày 21-7-2011, Thủ tướng Chính phủ có Văn bản số 1191/TTg-KTN gửi UBND tỉnh Khánh Hòa với nội dung: *"Đồng ý* UBND tỉnh Khánh Hòa *triển khai đầu tư xây dựng...* Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa *theo hình thức hợp đồng BT.*

UBND tỉnh Khánh Hòa *bố trí quỹ đất phù hợp với quy hoạch cho Nhà đầu tư để lập dự án kinh doanh khai thác, thu hồi vốn đầu tư dự án BT theo quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 của Chính phủ và các quy định pháp luật có liên quan; ủy quyền Chủ tịch* UBND tỉnh Khánh Hòa *xem xét và quyết định việc chỉ định Nhà đầu tư đàm phán trực tiếp Hợp đồng BT... theo quy định hiện hành và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư Dự án...".*

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án nêu trên theo hình thức Hợp đồng BT, công tác quản lý và sử dụng tài sản Nhà nước của Nguyễn Chiến T12 (nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa), Lê Đức V (nguyên Phó Chủ tịch, nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa), Đào Công T13 (nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa), Võ Tấn T14 (nguyên Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa, nguyên Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa), Lê Văn D2 (nguyên Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa), Trần Văn T5 (nguyên Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng dân dụng và Công nghiệp tỉnh KHÁNH HÒA), Nguyễn Ngọc T (nguyên Phó Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa, nguyên Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh, nguyên Chủ tịch Hội đồng định giá đất và nhà thuộc sở hữu Nhà nước tỉnh Khánh Hòa), Vũ Xuân T1 (nguyên Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất), Trần Quang B (nguyên Phó Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa), Trần Sỹ Q (nguyên Phó Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa), Nguyễn Văn N1 (nguyên Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa), Lê Huy T3 (nguyên Phó Chủ tịch UBND thành phố N) và Nguyễn Ngọc T6 (nguyên Phó phụ trách Phòng Vật giá công sản thuộc Sở T, nguyên Tổ trưởng Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Khánh Hòa) đã có nhiều sai phạm, cụ thể như sau:

***1.*** *Lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng mới* Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa *theo hình thức Hợp đồng BT.*

- Ngày 06-9-2013, UBND tỉnh Khánh Hòa có Thông báo số 379/TB-UBND, thông báo kết luận của Nguyễn Chiến T12 - Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất lựa chọn Nhà đầu tư là Công ty TNHH H15 thực hiện dự án BT Trường Chính trị tỉnh.

- Ngày 18-9-2013, Nguyễn Chiến T12 ký Văn bản số 5253/UBND-XDNĐ, chỉ định Công ty TNHH H15 là nhà đầu tư đàm phán trực tiếp Hợp đồng BT Dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa...; nguồn vốn hoàn trả cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa từ khai thác quỹ đất cơ sở cũ của T10 Chính trị tỉnh tại khu đất số A T, thành phố N, về giá đất tại khu đất trên được xác định ổn định trong Hợp đồng BT.

- Ngày 03-10-2013, UBND tỉnh Khánh Hòa có Văn bản số 5690/UBND-XDND, chấp thuận chủ trương cho phép Công ty TNHH H15 được liên danh với Công ty Cổ phần T20 (sau đây viết tắt là Công ty T20) để thực hiện dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BT.

- Ngày 14-10-2013, Trần Văn T5 ký Tờ trình số 1047/TTr-DADD-QLDA2 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc thẩm định và phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án BT Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa. Trong đó,

phương án hoàn vốn: Quỹ đất cơ sở Trường Chính trị tại số A T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày 24-10-2013, Nguyễn Chiến T12 ký Quyết định số 2638/QĐ-UBND về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1), trong đó: Tổng mức đầu tư: 149.113.000.000 đồng; hình thức đầu tư: Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao (BT); phương án hoàn vốn: Quỹ đất cơ sở Trường Chính trị tỉnh tại số A T, thành phố N.

- Ngày 04-11-2013, Trần Văn T5 ký Tờ trình số 1106/TTr-DADD-QLDA2, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa về việc thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn Nhà đầu tư theo hình thức Hợp đồng BT Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1). Trong đó, hình thức lựa chọn nhà đầu tư là chỉ định nhà đầu tư.

- Ngày 08-11-2013, ông Đỗ Hữu T15 (Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư) ký Báo cáo số 2318/BC-SKHĐT báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa về việc báo cáo thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1); trong đó, thống nhất hình thức "Chỉ định nhà đầu tư" như đề nghị của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng dân dụng và Công nghiệp tỉnh KHÁNH HÒA.

- Ngày 14-11-2013, Nguyễn Chiến T12 ký Quyết định số 2905/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án T tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1); trong đó, hình thức lựa chọn nhà đầu tư: Chỉ định nhà đầu tư; nguồn vốn thanh toán: Từ quỹ đất cơ sở Trường C tại số A T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày 03-3-2014, Trần Văn T5 ký Quyết định số 303/QĐ-DADD, phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định Nhà đầu tư Dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1).

- Ngày 15-7-2014, Trần Văn T5 ký Quyết định số 726/QĐ-DADD phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1); trong đó, có nội dung: Nhà đầu tư được lựa chọn chỉ định là Liên danh Công ty TNHH H15 và Công ty T20; điều kiện, phương thức thanh toán: Từ quỹ đất cơ sở Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa tại số A T, thành phố N.

- Ngày 28-11-2014, Nguyễn Chiến T12 ký Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 37121000567 cho Liên danh Công ty TNHH H15 và Công ty T20 để đầu tư xây dựng Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1); trong đó, có nội dung: "Điều 6. Các điều kiện hỗ trợ thanh toán cho dự án: Giao khu đất T tỉnh Khánh Hòa hiện nay để xây dựng khu phức hợp gồm: Trung tâm thương mại, khách sạn, căn hộ cao cấp, địa điểm: Số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, diện tích đất sử dụng 7.388,9 $m^2$, tổng vốn đầu tư: 1.650 tỷ đồng, thời gian và tiến độ thực hiện: từ năm 2015 đến năm 2019".

- Ngày 05-01-2015, Nguyễn Chiến T12 ký Văn bản số 03/UBND-XDNĐ cho phép Công ty TNHH H15 được chuyển nhượng toàn bộ quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa cho Công ty T20.

- Ngày 13-01-2015, Nguyễn Chiến T12 ký Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất cho Công ty T20; trong đó, mọi điều khoản khác của Giấy chứng nhận đầu tư

số 37121000567, được UBND tỉnh Khánh Hòa cấp lần đầu ngày 28-11-2014 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

- Ngày 22-01-2015, Nguyễn Chiến T12 và Công ty T20 ký Hợp đồng BT số 01/2015/HĐBT Dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1) tại B, xã P, thành phố N; trong đó, tổng vốn đầu tư 121,116 tỷ đồng; thời gian thực hiện 24 tháng. Giá trị quyền sử dụng đất của khu đất và quyền đầu tư thực hiện Dự án khác được ấn định là 122,116 tỷ đồng theo Thông báo số 416 ("Giá trị khu đất"). Giá trị khu đất trên là 122,116 tỷ đồng được cố định và ổn định, có hiệu lực trong suốt thời gian có hiệu lực của hợp đồng này. Đến ngày 30-12-2015, Dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (giai đoạn 1) được nghiệm thu hoàn thành công trình để đưa vào sử dụng.

***2.*** *Sai phạm trong việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư; không thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất; giao đất, cho thuê đất không đúng với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của* thành phố N.

- Ngày 11-11-2013, Lê Đức V ký Quyết định số 2851/QĐ-UBND về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của thành phố N; trong đó, khu đất 7.388,9 $m^2$ tại số A T, thành phố N là đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp của Nhà nước.

- Ngày 07-8-2014, Nguyễn Chiến T12 ký Thông báo số 416/TB-UBND, thông báo về giá trị khu đất tại số A T, thành phố N khi giao cho Công ty T20 để thực hiện dự án N Center 2 là 122.116.000.000 đồng, với diện tích là 7.388,9 $m^2$ (trong đó: Đất ở lâu dài: 4.440 $m^2$, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 2.948,9 $m^2$).

- Ngày 08-5-2015, bà Trần Thị Thanh H9 (nguyên Trưởng phòng Phòng Hợp tác đầu tư thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa) trình Võ Tấn T14 (lúc này là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư) ký Văn bản số 736/SKHĐT-HTĐT tham mưu cho UBND tỉnh Khánh Hòa cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho Công ty T20 thực hiện Dự án Nha Trang C; trong đó, chuyển đổi tính chất công trình, mục tiêu đầu tư: Từ căn hộ du lịch sang nhà ở chung cư để bán.

- Ngày 30-6-2015, Nguyễn Chiến T12 ký Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000619 cấp cho Công ty T20; trong đó, mục tiêu dự án: Xây dựng một khu phức hợp gồm Trung tâm Thương mại - - Nhà ở chung cư (để bán) - N Center 2 tại số A T, thành phố N.

- Ngày 02-11-2015, Lê Đức V ký Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ điều chỉnh thỏa thuận phương án kiến trúc quy hoạch Dự án N Center 2; trong đó: Điều chỉnh chức năng căn hộ du lịch thành nhà ở chung cư (để bán) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000619 ngày 30-6-2015 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp cho Công ty T20 và điều chỉnh tổng số căn hộ chung cư thành 920 căn; chiều cao công trình 160 m; số tầng cao: 44 tầng.

- Ngày 31-12-2015, Lê Đức V ký ban hành Quyết định số 3936/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2016 của thành phố N; trong đó, kế hoạch sử dụng đất của khu đất tại số A T, thành phố N là đất Thương mại - Dịch vụ.

- Ngày 25-01-2016, bà Phạm Thị Thanh H10 (Phó Chi cục trưởng C3 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa) đã căn cứ vào Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000619 và Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ ngày 02-11-2015 tham mưu cho Võ Tấn T14 ký Văn bản số 279/STNMT-CCQLĐĐ gửi UBND tỉnh Khánh Hòa; trong đó, đề xuất giao cho Công ty T20 toàn bộ 7.388,9 $m^2$ đất tại số A T, N là đất ở (tại đô thị).

- Ngày 02-02-2016, Lê Đức V ký Văn bản số 820/UBND-XDNĐ giao Sở T căn cứ cơ cấu các loại đất đã được UBND tỉnh chấp thuận phương án kiến trúc tại Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ ngày 02-11-2015, tham mưu thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án N Center 2 trình UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét, phê duyệt.

- Ngày 05-02-2016, thực hiện theo ý kiến chỉ đạo trực tiếp của Võ Tấn T14, bà Phạm Thị Thanh H10 đã trình cho Võ Tấn T14 ký Báo cáo số 22/BC-STNMT-CCQLĐĐ gửi UBND tỉnh Khánh Hòa; trong đó, đề xuất giao cho Công ty T20 toàn bộ 7.388,9 $m^2$ đất tại số A T, thành phố N gồm: Đất ở tại đô thị là 4.440 $m^2$; đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 2.948,9 $m^2$.

- Ngày 16-02-2016, Đào Công T13 ký ban hành Quyết định số 411/QĐ-UBND thu hồi 7.388,9 $m^2$ đất do Trường Chính trị tỉnh quản lý tại số A T, thành phố N; giao đất, cho thuê đất đối với Công ty T20 diện tích đất ở tại đô thị là 4.440 $m^2$ và diện tích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 2.948,9 $m^2$ để thực hiện dự án hoàn vốn khi thực hiện dự án T Chính trị tỉnh theo hình thức Hợp đồng BT.

- Ngày 04-3-2016, Võ Tấn T14 ký Hợp đồng thuê dịch vụ thẩm định giá số 03/HĐ-STNMT với Công ty Cổ phần T21 (sau đây viết tắt là Công ty T21) để xác định giá đất tại khu đất số A T, thành phố N theo Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 16-02-2016 và Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ ngày 02-11-2015, trong đó: Đất ở tại đô thị là 4.440 $m^2$, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 2.948,9 $m^2$.

- Ngày 13-5-2016, Công ty T21 ban hành Chứng thư thẩm định giá số 193/CT-DCSC(5), xác định: Tổng giá trị quyền sử dụng đất tại khu đất số A T, thành phố N để thực hiện Dự án Khu P - Văn phòng - Khách sạn - Nhà ở Chung cư (để bán) - N Center 2 là 122.930.000.000 đồng; giá đất xác định tại thời điểm tháng 02-2016; trong đó, giá trị quyền sử dụng đất ở đối với 4.440 $m^2$ x 22.492.402 đồng/$m^2$ = 99.866.266.975 đồng; giá trị quyền sử dụng đất sản xuất kinh doanh đối với 2.948,9 $m^2$ x 7.821.029 đồng/$m^2$ = 23.063.431.631 đồng.

- Ngày 08-7-2016, Nguyễn Ngọc T6 ký Báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định Chứng thư số 193/CT-DCSC(5), với nội dung: Thống nhất các chỉ tiêu, số liệu và thống nhất theo giá đất của Chứng thư số 193/CT-DCSC(5) để Hội đồng thẩm định giá đất có ý kiến, trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt. Các thành viên của Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Khánh Hòa bao gồm: Nguyễn Ngọc T, Vũ Xuân T1, Nguyễn Văn N1, Trần Quang B, Trần Sỹ Q và Lê Huy T3 đã thống nhất với báo cáo của Tổ giúp việc và ký xác nhận vào Văn bản số 2818/HĐTĐ ngày 08-7-2016, trong đó các thành viên Hội đồng thống nhất giá đất đối với khu đất tại số A T, thành phố N tại thời điểm tháng 02-2016 là: Giá đất ở 22.492.402 đồng/$m^2$, giá đất

sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 7.821.029 đồng/$m^2$ theo Báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định ngày 08-7-2016.

- Ngày 15-7-2016, Nguyễn Ngọc T ký Tờ trình số 2907/TT-HĐTĐ gửi UBND tỉnh Khánh Hòa, trong đó thể hiện nội dung: Các thành viên Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thống nhất giá đất đối với khu đất tại số A T, thành phố N tại thời điểm tháng 02-2016 là: Giá đất ở 22.492.402 đồng/$m^2$, giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 7.821.029 đồng/$m^2$ theo Báo cáo kết quả thẩm tra ngày 08-7-2016 của Tổ giúp việc cho Hội đồng Thẩm định giá đất tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày 21-7-2016, Đào Công T13 ký Quyết định số 2099/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với khu đất số A T, thành phố N để thực hiện dự án Khu P - Văn phòng - Khách sạn - Nhà ở chung cư -; theo đó, giá đất ở là 22.492.402 đồng/$m^2$, giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (thời hạn thuê đất từ ngày 16-02-2016 đến 30-6-2065) để tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê là 7.821.019 đồng/$m^2$.

Giá trị quyền sử dụng đất đối với khu đất số A T, thành phố N được Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa thông báo với số tiền là 121.529.237.098 đồng (22.492.402 đồng/$m^2$ x 4.440 $m^2$ đất ở = 99.866.264.880 đồng và 7.821.029 đồng/$m^2$ x 2.948,9 $m^2$ đất sản xuất kinh doanh = 23.063.432.418 đồng; trong đó: miễn, giảm tiền thuê đất là 1.400.460.200 đồng trong thời gian xây dựng cơ bản theo Quyết định số 1660/QĐ-CT ngày 30-8-2016 của Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa). Như vậy, Công ty Cổ phần T20 phải trả thêm cho UBND tỉnh Khánh Hòa số tiền chênh lệch là 7.572.434.940 đồng (121.529.237.098 đồng - 113.956.802.158 đồng). Công ty T20 đã nộp số tiền 7.138.956.815 đồng vào ngân sách Nhà nước.

- Ngày 07-10-2016, Đào Công T13 ký Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ 927249, cấp cho Công ty T20 với diện tích 7.388,9 $m^2$ đất tại số A T, thành phố N, trong đó: Đất ở tại đô thị là 4.440 $m^2$; đất thương mại, dịch vụ là 2.948,9 $m^2$.

- Ngày 27-11-2017, Vũ Xuân T1 ký Văn bản số 5297/STNMT-CCQLĐĐ đề nghị UBND thành phố N cập nhật kế hoạch sử dụng đất hàng năm của thành phố đối với khu đất số A T, thành phố N cho phù hợp với nội dung Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 16-02-2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

- Ngày 07-01-2019, Võ Tấn T14 ký Văn bản số 01/STNMT-CCQLĐĐ báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 16-02-2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa; trong đó: Đề nghị giao cho Công ty T20 toàn bộ 7.388,9 $m^2$ đất tại số A T, thành phố N được thu hồi để thực hiện dự án N Center 2 là đất ở tại đô thị.

- Ngày 11-01-2019, Đào Công T13 ký Quyết định số 135/QĐ-UBND về việc điều chỉnh nội dung Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 16-02-2016 của UBND tỉnh Khánh Hòa; trong đó, giao cho Công ty T20 toàn bộ 7.388,9 $m^2$ đất tại số A T, thành phố N được thu hồi để thực hiện dự án N Center 2 là đất ở tại đô thị.

***3.*** *Sai phạm trong thỏa thuận và điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch Dự án* N *Center 2 tại khu đất* số A T, thành phố N *làm cơ sở để thực hiện thẩm định giá đất; cấp Giấy phép xây dựng không đúng với quy hoạch sử dụng đất của* thành phố N.

- Ngày 26-10-2015, Lê Văn D2 ký Văn bản số 3065/SXD-KTQH báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh thỏa thuận phương án kiến trúc quy hoạch Dự án N Center 2 tại khu đất số A T, thành phố N; trong đó, điều chỉnh chức năng căn hộ du lịch thành căn hộ dạng Nhà ở chung cư (để bán) theo Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000619 ngày 30-6-2015 do UBND tỉnh Khánh Hòa cấp cho Công ty T20; điều chỉnh tổng số căn hộ chung cư thành 920 căn; chiều cao công trình 160 mét; số tầng cao: 44 tầng.

Ngày 02-11-2015, Lê Đức V ký Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ thống nhất điều chỉnh thỏa thuận phương án kiến trúc quy hoạch dự án Nha Trang C theo đề nghị tại văn bản số 3065/SXD-KTQH nêu trên.

- Ngày 06-12-2015, Văn phòng C4 có Văn bản số 10220/VPCP-KTN đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa tập trung chỉ đạo thực hiện theo đúng đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố N, tỉnh Khánh Hòa đến năm 2025, bảo đảm không gian cảnh quan khu vực ven biển của Vịnh N.

- Ngày 03-02-2016, ông Nguyễn Hữu Duy K3 (nguyên Trưởng phòng Phòng Kiến trúc quy hoạch thuộc Sở xây dựng tỉnh Khánh Hòa) trình Lê Văn D2 ký Văn bản số 365/SXD-KTQH báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh thỏa thuận phương án kiến trúc quy hoạch Dự án N Center 2 tại khu đất số A T, thành phố N; trong đó, các chỉ tiêu Kiến trúc - Quy hoạch điều chỉnh: Giảm chiều cao công trình từ 160 m xuống còn 157,3 m; giảm số tầng công trình từ 44 tầng xuống còn 40 tầng. Ngày 29-02-2016, Lê Đức V ký Văn bản số 1232/UBND-XDNĐ thống nhất điều chỉnh thỏa thuận phương án kiến trúc quy hoạch Dự án N Center 2 theo đề nghị tại Văn bản số 365/SXD-KTQH.

- Ngày 17-8-2016, ông Nguyễn Hữu Duy K3 trình Lê Văn D2 ký Giấy phép xây dựng số 95/GPXD-SXD cấp cho Công ty T20 để xây dựng công trình dự án Nha Trang C tại số A T, thành phố N.

- Ngày 21-01-2020, dự án Khu P - Văn phòng - Khách sạn - Nhà ở chung cư N (nay là dự án G) được nghiệm thu hoàn thành; trong đó, có 13 tầng dùng để kinh doanh Thương mại - Dịch vụ và 920 căn hộ chung cư (27 tầng gồm: Tòa tháp phía Bắc 427 căn hộ, Tòa tháp phía Nam 493 căn hộ).

***4.*** *Sai phạm trong việc bán tài sản Nhà nước (*Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa*).*

- Ngày 26-4-2016, Đào Công T13 ký Quyết định số 1067/QĐ-UBND phê duyệt giá trị tài sản trên đất tại số A T, thành phố N (thuộc Trường C) với số tiền là 21.076.345.726 đồng. Đến ngày 12-5-2016, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Khánh Hòa có Thông báo số 292/TB-BĐG về việc bán đấu giá tài sản theo quyết định trên.

- Ngày 23-5-2016, Trần Văn T5 ký Văn bản số 336/DADD-QLDA2 đề nghị Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa xem xét giảm giá khởi điểm đối với tài sản trên đất sau khi Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh đã niêm yết thông báo công khai từ ngày 13-5-2016 đến ngày 19-5-2016, nhưng không có khách hàng đăng ký.

- Ngày 17-6-2016, Nguyễn Ngọc T tổ chức và chủ trì cuộc họp gồm các thành viên: Ông Ngô Xuân V1 (Chuyên viên Phòng Giá đất thuộc Sở T), ông Võ Thanh B2 (Chuyên viên Phòng Quản lý CKT từ đất thuộc Cục T), ông Nguyễn Xuân T16

(Chuyên viên Phòng Kinh tế xây dựng thuộc Sở Xây dựng), bà Lê Hồng N3 (Chuyên viên Phòng Tổng hợp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư), ông Nguyễn Đình T17 (Phó trưởng phòng Phòng Tài chính và Kế hoạch thuộc UBND thành phố N) và ông Lê Đức H11 (Trưởng phòng Phòng Quản lý dự án, thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp). Tại cuộc họp, Nguyễn Ngọc T nhận định đây là trường hợp tài sản đưa ra đấu giá theo giá trị còn lại, người mua phải phá dỡ và sử dụng phế liệu thu hồi, nên đã đề nghị giảm 55% trên tổng giá trị các tài sản trên đất thuộc Trường Chính trị tỉnh tại số A T, thành phố N đã được định giá (tương đương số tiền giảm là 21.076.345.726 đồng x 55% = 11.591.990.149 đồng), tất cả những người tham gia cuộc họp có tên nêu trên đều đồng ý.

Ngày 20-6-2016, Nguyễn Ngọc T ký Tờ trình số 2497/TTr-STC đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét trường hợp tài sản đưa ra đấu giá theo giá trị còn lại, người mua phải phá dỡ và sử dụng phế liệu thu hồi nên đã đề nghị giảm 55% giá trị còn lại đối với tài sản trên đất thuộc Trường Chính trị tỉnh tại số A T, thành phố N, số tiền sau khi đã giảm 55% còn lại là 9.484.356.000 đồng (21.076.345.726 đồng - 11.591.989.726 đồng).

- Ngày 30-6-2016, Đào Công T13 ký ban hành Quyết định số 1875/QĐ-UBND phê duyệt lại giá trị tài sản trên đất với số tiền là 9.484.356.000 đồng. Ngày 05-7-2016, Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài tỉnh Khánh Hòa có Thông báo số 418/TB-BĐG để bán đấu giá số tài sản trên và chỉ có Công ty T20 đăng ký tham gia đấu giá.

- Ngày 29-7-2016, Nguyễn Ngọc T ký Tờ trình số 3110/TTr-STC đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa bán chỉ định tài sản trên đất thuộc Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa tại khu đất số A T, N cho Công ty T20 với số tiền là 9.484.356.000 đồng.

- Ngày 09-8-2016, Đào Công T13 ký Quyết định số 2305/QĐ-UBND bán chỉ định tài sản trên đất thuộc Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa tại khu đất số A T, thành phố N cho Công ty T20 với số tiền là 9.484.356.000 đồng.

***Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 30-3-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Bộ kết luận:***

Giá trị quyền sử dụng đất đối với khu đất tại số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa như sau:

- Tại thời điểm ngày 16-02-2016 là 184.132.743.000 đồng.

- Tại thời điểm ngày 05-10-2020 là 446.043.126.000 đồng.

Đối với tài sản gắn liền với đất thuộc Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (cũ) tại khu đất số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa được xác định tại thời điểm ngày 09-8-2016 là 21.085.638.000 đồng.

**Kết quả điều tra đã xác định sai phạm như sau:**

**1. Đối với** Nguyễn Chiến T12.

Với vai trò là người đứng đầu UBND tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Chiến T12 đã chỉ đạo thực hiện các sai phạm trong việc khai thác quỹ đất cơ sở cũ của Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa để thực hiện dự án BT Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa

như: Chỉ định nhà đầu tư mà không tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư; không tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất, mà ký Hợp đồng BT với Công ty T20, xác định giá trị quyền sử dụng đất của khu đất và ấn định giá trị khu đất được cố định, ổn định trong suốt thời gian có hiệu lực của Hợp đồng; cấp Giấy chứng nhận đầu tư không đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố N là tiền đề cho toàn bộ các sai phạm, cụ thể:

- Văn bản số 5253/UBND-XDND ngày 18-9-2013 vi phạm quy định tại Điều 20 của Luật Đấu thầu năm 2005; Điều 14 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 của Chính phủ và khoản 2 Điều 18 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27-01-2011 của Bộ K4 và Đầu tư.

- Thông báo số 416/TB-UBND ngày 07-8-2014 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 3 Điều 97 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

- Cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000619 ngày 30-6-2015 không đúng quy hoạch sử dụng đất của thành phố N, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2005.

**2. Đối với** Lê Đức V.

Sai phạm trong việc ký các văn bản thỏa thuận và điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch Dự án N Center 2 tại khu đất số A đường T, thành phố N và điều chỉnh chức năng căn hộ du lịch thành nhà ở chung cư (để bán) không đúng với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố N làm căn cứ thẩm định giá đất; chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa tham mưu giao đất trái pháp luật, cụ thể: Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ ngày 02-11-2015; Văn bản số 820/UBND-XDNĐ ngày 02-02-2016 chỉ đạo Sở T căn cứ cơ cấu các loại đất đã được UBND tỉnh chấp thuận phương án kiến trúc tại Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ ngày 02-11-2015, tham mưu thủ tục giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án Nha Trang C; Văn bản số 1232/UBND-XDNĐ ngày 29-02-2016 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 145 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và cách xác định loại đất quy định tại điểm 2.1 Phụ lục số 01 Thông tư số 28/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T22.

**3. Đối với** Đào Công T13.

Là người chịu trách nhiệm trong việc ký ban hành các quyết định giao đất, cho thuê đất, phê duyệt giá đất và bán tài sản trên đất trái pháp luật, cụ thể: Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 16-02-2016 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 145 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và cách xác định loại đất quy định tại điểm 2.1 Phụ lục số 01 Thông tư số 28/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T22; Quyết định số 2099/QĐ-UBND ngày 21-7-2016 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013.

Trong việc bán tài sản trên đất, Đào Công T13 đã ký Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 30-6-2016 vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03-6-2009 của Chính phủ quy

định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008.

**4. Đối với** Võ Tấn T14.

Sai phạm trong việc tham mưu cấp Giấy chứng nhận đầu tư; giao đất, cho thuê đất cho Công ty T20 để thực hiện Dự án N Center 2 trái pháp luật, cụ thể: Văn bản số 736/SKHĐT-HTĐT ngày 08-5-2015 vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2005; Báo cáo số 22/BC-STNMT-CCQLĐĐ ngày 05-02-2016 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 145 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và Cách xác định loại đất quy định tại điểm 2.1 Phụ lục số 01 Thông tư số 28/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T22.

**5. Đối với** Lê Văn D2.

Sai phạm trong việc tham mưu các văn bản thỏa thuận điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch Dự án N Center 2 tại số A T, thành phố N; cấp Giấy phép xây dựng không đúng với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thành phố N, cụ thể: Văn bản số 3065/SXD-KTQH ngày 26-10-2015; Văn bản số 365/SXD-KTQH ngày 03-02-2016 vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 145 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và Cách xác định loại đất quy định tại điểm 2.1 Phụ lục số 01 Thông tư số 28/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T22; Cấp Giấy phép xây dựng số 95/GPXD-SXD ngày 17-8-2016 vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Xây dựng năm 2014.

**6. Đối với** Nguyễn Ngọc T**:**

Là thành viên Hội đồng thẩm định giá đất, nhưng T không thực hiện đúng quy trình thẩm định giá đất của khu đất số A T, thành phố N mà thống nhất theo Báo cáo kết quả thẩm tra của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá đất, vi phạm quy định tại Điều 112 của Luật Đất đai năm 2013; Quy chế Hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, T còn sai phạm trong việc tham mưu bán tài sản trên đất: Xác định giảm 55% giá trị tài sản trên đất tại số A T, thành phố N; ký Tờ trình số 2497/TTr-STC ngày 20-6-2016 để Đào Công T13 ký Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 30-6-2016 là vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 22, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP ngày 03-6-2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước năm 2008.

**7. Đối với** Trần Văn T5.

Sai phạm trong việc tham mưu việc chỉ định nhà đầu tư mà không tổ chức đấu thầu để thực hiện dự án BT Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa và hoàn vốn khu đất số A T, thành phố N, cụ thể: Tờ trình số 1106/TTr-DADD-QLDA2 ngày 04-11-2013; Quyết định số 303/QĐ-DADD ngày 03-3-2014; Quyết định số 726/QĐ-DADD ngày 15-7-2014 vi phạm quy định tại Điều 20 của Luật Đấu thầu năm

2005; Điều 14 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 của Chính phủ; khoản 2 Điều 18 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27-01-2011 của Bộ K4 và Đầu tư.

**8. Đối với** Vũ Xuân T1**,** Trần Quang B**,** Lê Huy T3**,** Trần Sỹ Q **và** Nguyễn Văn N1**:**

Các bị cáo là thành viên Hội đồng thẩm định giá đất, nhưng không thực hiện đúng quy trình thẩm định giá đất của khu đất số A T, thành phố N mà thống nhất theo Báo cáo kết quả thẩm tra của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá đất, vi phạm quy định tại Điều 112 của Luật Đất đai năm 2013; Quy chế Hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

**9. Đối với** Nguyễn Ngọc T6.

Với vai trò là Tổ trưởng Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh Khánh Hòa, T6 đã sai phạm trong việc không thực hiện đúng quy trình thẩm định giá đất của khu đất số A T, thành phố N mà ký Báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định ngày 08-7-2016 để tham mưu cho Hội đồng thẩm định giá đất nhằm trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt giá đất, vi phạm quy định tại Điều 112 của Luật Đất đai năm 2013; Quy chế Hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

**10. Các đối tượng khác:**

Trong vụ án này, bà Phạm Thị Thanh H10 (Phó chi Cục trưởng C3, thuộc Sở T); bà Trần Thị Thanh H9 (nguyên Trưởng phòng Phòng Hợp tác đầu tư, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư); ông Nguyễn Hữu Duy K3 (nguyên Trưởng phòng Phòng Kiến trúc quy hoạch, thuộc Sở Xây dựng); bà Hồ Thị H12 (nguyên Trưởng phòng Phòng Giá đất - Bồi thường tái định cư, thuộc Sở T); ông Nguyễn Việt H13 (nguyên Trưởng phòng Phòng Kinh tế xây dựng, thuộc Sở Xây dựng); ông Trần Đình T18 (nguyên Trưởng phòng Phòng Quản lý các khoản thu từ đất, thuộc Cục T); ông Lê Quang L1 (Chuyên viên Phòng Tổng hợp, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư); ông Lương Như G (Chuyên viên Phòng Tài chính - Kế hoạch, UBND thành phố N); ông Ngô Xuân V1 (Chuyên viên Phòng Giá đất, thuộc Sở T); ông Võ Thanh B2 (Chuyên viên Phòng quản lý các khoản thu từ đất, Cục Thuế tỉnh); ông Nguyễn Xuân T16 (Chuyên viên Phòng Kinh tế xây dựng, thuộc Sở Xây dựng); bà Lê Hồng N3 (Chuyên viên Phòng Tổng hợp, thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư), ông Nguyễn Đình T17 (Phó trưởng phòng Phòng Tài chính và Kế hoạch, UBND thành phố N); ông Lê Đức H11 (Trưởng phòng Phòng Quản lý dự án thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp); bà Nguyễn Bích P2 (Trung tâm D3); ông Trần Hoàng H14 (Phó Hiệu trưởng Trường chính trị tỉnh Khánh Hòa); ông Đặng Xuân T19 (Thẩm định viên về giá bất động sản thuộc Công ty T21); ông Đinh Quang V2 (Tổng Giám đốc Công ty T21) đều có sai phạm, nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa xác định hành vi của các đối tượng nêu trên chưa đủ căn cứ, nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06-01-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa:***

**1.** Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Ngọc T và Vũ Xuân T1, xử phạt:

- Nguyễn Ngọc T 04 (**bốn**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Vũ Xuân T1 03 (**ba**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.** Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Quang B, Lê Huy T3, Trần Sỹ Q, Nguyễn Văn N1, Trần Văn T5 và Nguyễn Ngọc T6, xử phạt:

- Trần Quang B 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Lê Huy T3 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Trần Sỹ Q 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Trần Văn T5 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Nguyễn Ngọc T6 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Nguyễn Văn N1 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**3.** Áp dụng Điều 106; Điều 130 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 213 và Điều 246 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự.

**3.1.** Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc nộp các khoản tiền để khắc phục một phần thiệt hại cho UBND tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

- Nguyễn Ngọc T nộp 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005124 ngày 29-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Vũ Xuân T1 nộp 50.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005125 ngày 29-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Trần Quang B nộp 50.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 17-10-2022 vào tài khoản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

- Lê Huy T3 nộp 50.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 17-10-2022 vào tài khoản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

- Trần Sỹ Q nộp 100.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 21-10-2022 vào tài khoản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

- Trần Văn T5 nộp 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005113 ngày 06-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Nguyễn Văn N1 nộp 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005114 ngày 06-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Nguyễn Ngọc T6 nộp 50.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005112 ngày 02-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Tiếp tục tạm giữ các khoản tiền nêu trên để đảm bảo việc thi hành án cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**3.2.** Công ty Cổ phần T20 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất tại địa chỉ số A đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần T20 có nghĩa vụ phải nộp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phần giá trị tài sản chênh lệch là **334.509.170.902 đồng** (Ba trăm ba mươi bốn tỷ năm trăm lẻ chín triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm lẻ hai đồng).

Sau khi đã nộp đủ khoản tiền nêu trên, Công ty Cổ phần T20 có quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền, tiến hành các thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng tại khu đất số A đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật.

**3.3.** Căn cứ Điều 130 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Hủy bỏ các Lệnh kê biên tài sản: Số 76/LKB-CSKT, số 77/LKB-CSKT và số 78/LKB-CSKT cùng ngày 21-6-2022; số 90/LKB-CSKT, số 91/LKB-CSKT, số 92/LKB-CSKT, số 93/LKB-CSKT, số 94/LKB-CSKT, số 95/LKB-CSKT số 96/LKB-CSKT, số 97/LKB-CSKT và số 98/LKB-CSKT cùng ngày 28-6-2022, đều của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa.

- Hủy bỏ các Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 79/LPT-CSKT, số 80/LPT-CSKT, số 81/LPT-CSKT, số 82/LPT-CSKT, số 83/LPT-CSKT, số 84/LPT-CSKT, số 85/LPT-CSKT, số 86/LPT-CSKT, số 87/LPT-CSKT và số 88/LPT-CSKT cùng ngày 21-6-2022, đều của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa.

- Hủy bỏ các Công văn: Số 362/CSKT ngày 26-5-2021, số 368/CSKT ngày 27-5-2021 và số 403/CSKT ngày 10-6-2021; số 500/CSKT, số 501/CSKT, số 504/CSKT và số 505/CSKT cùng ngày 12-7-2021; số 523/CSKT ngày 21-7-2021, số 559/CSKT ngày 26-7-2021, số 506/CSKT ngày 28-7-2021 số 382/YC-CSKT và số 383/YC-CSKT cùng ngày 14-6-2021, đều của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định xử phạt Nguyễn Chiến T12 06 (**sáu**) năm 06 (**sáu**) tháng tù, Lê Đức V 05 (**năm**) năm 06 (sáu) tháng tù, Đào Công T13 05 (**năm**) năm 06 (**sáu**) tháng tù, Lê Văn D2 03 (**ba**) năm 06 (**sáu**) tháng tù và Võ Tấn T14 03 (**ba**) năm tù, đều về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí"; quyết định tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo; ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc nộp các khoản tiền nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho UBND tỉnh Khánh Hòa; quyết định giao tài sản cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa giải quyết; trả lại tài sản cho các bị cáo; xử lý vật chứng và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Kháng cáo:**

- Ngày 11-01-2023, Nguyễn Ngọc T kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 12-01-2023, Lê Huy T3 kháng cáo xin giảm hình phạt.

- Ngày 13-01-2023, Trần Quang B và Nguyễn Văn N1 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16-01-2023, Trần Sỹ Q và Vũ Xuân T1 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 16-01-2023, Trần Văn T5 kháng cáo xin giảm hình phạt và được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Ngày 18-01-2023, Nguyễn Ngọc T6 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

- Ngày 12-01-2023 và ngày 30-01-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T20 kháng cáo, đề nghị không phải bồi thường thiệt hại và yêu cầu giữ nguyên các Lệnh kê biên tài sản để đảm bảo thi hành án.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, 08 bị cáo, gồm: Nguyễn Ngọc T, Vũ Xuân T1, Trần Quang B, Lê Huy T3, Trần Sỹ Q, Trần Văn T5, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Ngọc T6 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T20 kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của các bị cáo và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Quang B, Trần Sỹ Q, Nguyễn Văn N1 và Nguyễn Ngọc T6 rút nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt, giữ nguyên nội dung xin hưởng án treo; các bị cáo còn lại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty T20 giữ nguyên kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp

cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Vũ Xuân T1, Trần Quang B, Lê Huy T3, Trần Sỹ Q, Trần Văn T5 và Nguyễn Ngọc T6.

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần T20.

- Chấp nhận kháng cáo của Nguyễn Văn N1.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Vũ Xuân T1, Trần Quang B, Lê Huy T3, Trần Sỹ Q, Trần Văn T5 và Nguyễn Ngọc T6; giữ nguyên quyết định về trách nhiệm dân sự của Công ty Cổ phần T20.

- Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về Phần hình phạt đối với Nguyễn Văn N1; giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Luật sư bào chữa, các bị cáo và đại diện Công ty Cổ phần T20 tụng công khai; nói lời sau cùng các bị cáo đều ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đề nghị được chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo:

[2.1]. Về tội danh:

Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa có diện tích đất là 7.388,9 $m^2$ được UBND tỉnh Khánh Hòa quy hoạch chuyển vào Khu trường học, đào tạo và dạy nghề B, xã P, thành phố N, vị trí xây mới Trường Chính trị tỉnh có diện tích khoảng 2,76 ha.

Ngày 25-5-2011, Nguyễn Chiến T12 - Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa ký Tờ trình số 2539/TTr-UBND báo cáo, xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép xây dựng mới Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BT và được áp dụng hình thức chỉ định nhà đầu tư thực hiện dự án này.

Tại Công văn số 1191/TTg-KTN ngày 21-7-2011 của Thủ tướng Chính phủ thể hiện: *"...* Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa *bố trí quỹ đất phù hợp với quy hoạch cho Nhà đầu tư để lập dự án kinh doanh khai thác, thu hồi vốn đầu tư dự án BT theo quy định của Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan",* đồng thời *"Ủy quyền Chủ tịch* UBND tỉnh Khánh Hòa *xem xét và quyết định việc chỉ định Nhà đầu tư ...* ***theo quy định hiện hành*** *và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư các Dự án".* Do đó, tại Văn bản số 4146/UBND-XDNĐ ngày 11-8-2011, Nguyễn Chiến T12 ký đã ghi rõ: *"Trách nhiệm của Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng dân dụng: ... lập báo cáo khả thi triển khai dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 của Chính phủ, trình UBND tỉnh phê duyệt…"* và tại Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 30-8-2011, Nguyễn Chiến T12 ký có nội dung: *"Điều 1. Giao Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng dân dụng tiến hành lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 ... Điều 2. Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng dân dụng tiến hành tổ chức lập hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 ... về đầu tư theo*

*hình thức… Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao"*. Như vậy, tại thời điểm triển khai, UBND tỉnh Khánh Hòa, cũng như Nguyễn Chiến T12 biết rõ việc triển khai dự án phải tuân thủ Nghị định số 108/2009//NĐ-CP ngày 27-11-2009 của Chính phủ.

Ngày 17-6-2013, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa ban hành Công văn số 1112/SKHĐT-TH gửi UBND tỉnh Khánh Hòa, có nội dung: *"*Công ty TNHH Đ2 *có 03 văn bản xác nhận đăng ký thực hiện dự án và chỉ còn đăng ký thực hiện 1 dự án là* Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa*",* kèm theo là Danh sách các nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án theo Danh mục dự án BT tỉnh Khánh Hòa năm 2013 thể hiện có 02 đơn vị đăng ký thực hiện dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa theo hình thức BT là (**1**) Công ty TNHH Đ2 và (**2**) Công ty TNHH H15. Tuy nhiên, ngày 20-6-2013 (03 ngày sau), Nguyễn Chiến T12 lại ký Văn bản số 3364/UBND-XDNĐ, theo đó xếp dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa vào nhóm các dự án BT, do Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, **quyết định việc chỉ định nhà đầu tư**. Ngày 06-9-2013, UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành Thông báo số 379/TB-UBND, có nội dung: *"Chủ tịch* UBND tỉnh N *kết luận: Về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT Trường Chính trị tỉnh: Thống nhất lựa chọn nhà đầu tư là* Công ty TNHH H15*"* và đến ngày 18-9-2013, Nguyễn Chiến T12 tiếp tục ký Công văn số 5253/UBND-XDNĐ chỉ định Công ty TNHH H15 là nhà đầu tư thực hiện dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa.

Như vậy, trong khi có 02 nhà đầu tư đăng ký, thì việc Nguyễn Chiến T12 ký các văn bản, thông báo nêu trên để chỉ định nhà đầu tư là không đúng quy định tại Điều 20 của Luật Đấu thầu năm 2005; Điều 13, Điều 14 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 của Chính phủ; Điều 18 của Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27-01-2011 của Bộ K4 và Đầu tư. Ngoài ra, việc Nguyễn Chiến T12 ký Thông báo số 416/TB-UBND ngày 07-8-2014 xác định giá trị khu đất tại số A T, thành phố N là **122.116.000.000 đồng** (làm tròn) *"… Để* Công ty Cổ phần T20 *đầu tư khi thực hiện hợp đồng BT dự án Trường Chính trị tỉnh…"* mà không tiến hành đấu giá là vi phạm Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013.

Quá trình điều tra, Nguyễn Chiến T12 cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000619 ngày 30-6-2015 cho Công ty T20 với *"Mục tiêu dự án: Xây dựng một khu phức hợp gồm* Trung tâm Thương mại - - *Nhà ở chung cư (để bán)"* tại số A T, thành phố N là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 11-11-2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa thì toàn bộ diện tích đất tại số A T, thành phố N được quy hoạch là đất trụ sở cơ quan. Do đó, việc cấp Giấy chứng nhận đầu tư của Nguyễn Chiến T12, trong đó xác định một trong những mục tiêu của dự án là xây dựng nhà chung cư (để bán) là trái với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, vi phạm khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2005.

Ngày 23-01-2014, Lê Đức V (nguyên Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) ký Văn bản số 516/UBND-XDNĐ về việc thỏa thuận phương án kiến trúc quy hoạch Dự án N Center 2 tại khu đất số A T, thành phố N. Đến ngày 14-4-2014, Lê Đức V ký Văn bản số 2097/UBND-XDNĐ điều chỉnh chiều cao của công trình N4 2 từ 183,5 m xuống còn 160 m. Cả 02 văn bản này đều xác định tính chất công trình là

*"Xây dựng khu phức hợp cao cấp gồm Trung tâm Thương mại - Giải trí, dịch vụ đô thị và căn hộ du lịch"*. Tuy nhiên, đến ngày 02-11-2015, Lê Đức V lại ký Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ về việc điều chỉnh thỏa thuận phương án kiến trúc, theo đó thay đổi tính chất công trình thành *"Xây dựng một khu phức hợp gồm* Trung tâm Thương mại - - ***Nhà ở chung cư (để bán)***". Do đó, ngày 25-01-2016, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Khánh Hòa đã có Công văn số 279/STNMT-CCQLĐĐ, theo đó xác định Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ đã làm thay đổi mục tiêu, tính chất dự án từ căn hộ du lịch sang căn hộ chung cư, nên đề nghị xem xét lại, nhưng Lê Đức V tiếp tục ký Công văn số 820/UBND-XDNĐ, có nội dung: *"Giao Sở Tài nguyên và Môi trường* ***căn cứ cơ cấu các loại đất*** *đã được UBND tỉnh chấp thuận phương án kiến trúc tại văn bản số* ***7373****/UBND-XDNĐ ngày 02-11-2015, tham mưu thủ tục giao đất, cho thuê đất…"* (Văn bản số 1232/UBND-XDNĐ ngày 29-02-2016 sau đó chỉ điều chỉnh chiều cao của công trình từ 160 m xuống còn 157,3 m). Như vậy, sau khi có phản hồi từ Sở T, thì Lê Đức V ký Công văn số 820/UBND-XDNĐ có nội dung chỉ đạo Sở T tham mưu giao đất, cho thuê đất theo cơ cấu các loại đất tại Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ. Do đó, Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ ngày 02-11-2015, do Lê Đức V ký đã làm thay đổi tính chất công trình, mục tiêu đầu tư thành *"Nhà ở chung cư (để bán)"*, trong khi theo quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất, thì toàn bộ khu đất tại số A T, thành phố N được quy hoạch là đất trụ sở cơ quan. Hành vi của Lê Đức V đã vi phạm khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 145 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và Cách xác định loại đất theo điểm 2.1 Phụ lục số 01 Thông tư số 28/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T22.

Ngày 16-02-2016, Đào Công T13 (nguyên Phó Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa) ký Quyết định số 411/QĐ-UBND có nội dung giao đất có thu tiền sử dụng đất cho Công ty T20 thuê đất tại số A T, thành phố N với cơ cấu gồm: 4.440 $m^2$ đất ở đô thị và 2.948,9 $m^2$ đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Trong khi đó, theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 11-11-2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, thì toàn bộ diện tích đất tại số A T, thành phố N được quy hoạch là đất trụ sở cơ quan (đến ngày 30-12-2016, thì diện tích đất này mới hoàn thành ghi nhận tại Phụ biểu số 1.1, với mục đích sử dụng là đất thương mại dịch vụ). Như vậy, có cơ sở để xác định việc giao đất, cho thuê đất theo Quyết định số 411/QĐ-UBND ngày 16-02-2016 là trái với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được duyệt. Hành vi của Đào Công T13 đã vi phạm khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 145 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và Cách xác định loại đất theo điểm 2.1 Phụ lục 01 Thông tư số 28/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T22. Do có cơ sở xác định việc chỉ định thầu đối với dự án tại số A T, thành phố N không đúng quy định của pháp luật, nên việc Đào Công T13 ký Quyết định số 2099/QĐ-UBND phê duyệt giá đất để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tại số A T, N mà không thông qua việc đấu giá quyền sử dụng đất là đã vi phạm Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013.

Ngày 08-5-2015, với tư cách là Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa, Võ Tấn T14 ký Văn bản số 736/SKHĐT-HTĐT gửi UBND tỉnh Khánh Hòa với nội dung thống nhất đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án tại khu đất số A

T, thành phố N, theo đó xác định một trong những mục tiêu của dự án là xây dựng nhà ở chung cư (để bán). Căn cứ văn bản này, ngày 30-6-2015, Nguyễn Chiến T12 đã ký cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 37121000619 cho Công ty T20 với *"Mục tiêu dự án: Xây dựng một khu phức hợp gồm* Trung tâm Thương mại - - *Nhà ở chung cư (để bán)"* tại số A T, thành phố N.

Ngày 05-02-2016, Võ Tấn T14 ký Báo cáo số 22/BC-STNMT-CCQLĐĐ đề xuất UBND tỉnh Khánh Hòa giao đất, cho thuê đất đối với toàn bộ khu đất tại số A T, thành phố N, trong đó xác định diện tích đất ở đô thị là 4.440 $m^2$, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 2.948,9 $m^2$. Căn cứ báo cáo này, ngày 16-02-2016, Đào Công T13 ký Quyết định số 411/QĐ-UBND giao đất có thu tiền sử dụng đất cho Công ty T20 thuê đất tại số A T, thành phố N với cơ cấu các loại đất như Báo cáo số 22/BC-STNMT-CCQLĐĐ ngày 05-02-2016 đề xuất.

Theo Quyết định số 2851/QĐ-UBND ngày 11-11-2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa, thì toàn bộ diện tích đất tại số A T, thành phố N được quy hoạch là đất trụ sở cơ quan. Do đó, việc Võ Tấn T14 ký Văn bản số 736/SKHĐT-HTĐT và Báo cáo số 22/BC-STNMT-CCQLĐĐ là trái quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, vi phạm khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư năm 2005; khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 145 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ và Cách xác định loại đất theo điểm 2.1 Phụ lục 01 Thông tư số 28/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T22.

Lần lượt ngày 26-10-2015 và ngày 03-02-2016, Lê Văn D2 (nguyên Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa) ký các Văn bản số 3065/SXD-KTQH và số 365/SXD-KTQH đều có nội dung báo cáo UBND tỉnh Khánh Hòa xem xét thỏa thuận phương án kiến trúc quy hoạch đối với dự án tại số A T, thành phố N, theo đó *"Điều chỉnh chức năng từ căn hộ du lịch thành căn hộ dạng nhà ở chung cư (để bán)"*, tăng số căn hộ từ 892 thành 920 căn; đồng thời, Văn bản số 3065/SXD-KTQH cũng xác định *"Việc điều chỉnh phương án kiến trúc quy hoạch làm thay đổi quy mô, tính chất và giá trị của dự án hoàn vốn cho dự án BT..."*. Căn cứ vào các văn bản nêu trên, Lê Đức V đã ký các Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ và số 1232/UBND-XDNĐ về việc điều chỉnh thỏa thuận phương án kiến trúc, theo đó thay đổi tính chất công trình từ căn hộ du lịch thành căn hộ nhà ở chung cư (để bán). Sau đó, ngày 17-8-2016, Lê Văn D2 ký cấp Giấy phép xây dựng số 95/GPXD-SXD, cho phép Công ty T20 xây dựng công trình tại số A T, thành phố N theo thỏa thuận phương án kiến trúc tại các Văn bản số 7373/UBND-XDNĐ và số 1232/UBND-XDNĐ, có nội dung xây dựng căn hộ nhà ở chung cư (để bán), trong khi toàn bộ diện tích đất tại số A T, thành phố N được quy hoạch là đất trụ sở cơ quan. Như vậy, hành vi của Lê Văn D2 đã vi phạm khoản 1 Điều 145 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 91 của Luật Xây dựng 2014; khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính P3 và Cách xác định loại đất theo điểm 2.1 Phụ lục số 01 Thông tư số 28/TT-BTNMT ngày 02-6-2014 của Bộ T22.

Ngày 04-11-2013, Trần Văn T5 (nguyên Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh KHÁNH HÒA) ký Tờ trình số 1106/TTr-DADD-QLDA2 đề nghị xem xét phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà

đầu tư dự án Trường Chính trị tỉnh tại số A T, thành phố N với hình thức chỉ định nhà đầu tư. Sau đó, lần lượt ngày 03-3-2014 và ngày 15-7-2014, Trần Văn T5 ký các Quyết định số 303/QĐ-DADD và số 726/QĐ-DADD phê duyệt hồ sơ, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT Trường Chính trị tỉnh theo hình thức chỉ định. Tuy nhiên, tại thời điểm đăng thông báo đã có 02 đơn vị đăng ký thực hiện dự án Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa theo hìnhthức Hợp đồng BT (Công ty TNHH Đ2 và Công ty TNHH H15); đồng thời, tại Văn bản số 4146/UBND-XDNĐ ngày 11-8-2011 và Quyết định số 2319/QĐ-UBND ngày 30-8-2011 đều có nội dung *"Giao Ban Quản lý dự án các công trình xây dựng dân dụng tiến hành tổ chức lập hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP… về đầu tư theo hình thức… Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao"*. Như vậy, UBND tỉnh Khánh Hòa đã trực tiếp giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp tỉnh KHÁNH HÒA trong việc tổ chức triển khai dự án tại số A T, thành phố N. Do đó, việc Trần Văn T5 ký các văn bản nêu trên là vi phạm Điều 20 của Luật Đấu thầu năm 2005; Điều 13, Điều 14 Nghị định số 108/2009/NĐ-CP ngày 27-11-2009 của Chính phủ; Điều 18 Thông tư số 03/2011/TT-BKHĐT ngày 27-01-2011 của Bộ K4 và Đầu tư.

Với tư cách là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh, ngày 15-7-2016, Nguyễn Ngọc T ký Tờ trình số 2907/TT-HĐTĐ có nội dung: *"Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh thống nhất giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với khu đất tại* số A T, thành phố N *tại thời điểm tháng 02-2016: Giá đất ở là 22.492.402 đồng/$m^2$, giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp là 7.821.029 đồng/$m^2$ theo Báo cáo kết quả thẩm tra ngày 08-7-2016 của Tổ giúp việc Hội đồng Thẩm định giá đất tỉnh Khánh Hòa"*. Căn cứ tờ trình này, Đào Công T13 đã ký Quyết định số 2099/QĐ-UBND phê duyệt giá đất như đã nêu trên.

Quá trình thẩm định giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất đã không tuân thủ đúng quy trình và nội dung cần thẩm định được quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá ban hành kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa, cụ thể: *"Thẩm định việc áp dụng nguyên tắc xác định giá đất theo quy định tại khoản 1 Điều 112 của Luật Đất đai…", "Thẩm định việc áp dụng các phương pháp xác định giá đất…"* và *"Thẩm định tính trung thực, khách quan của các thông tin, số liệu về thửa đất, giá thị trường đưa vào tính toán trong xây dựng phương án giá đất"*. Như vậy, hành vi của Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh Khánh Hoà bao gồm các thành viên: Nguyễn Ngọc T (nguyên Phó Giám đốc Sở T), Vũ Xuân T1 (nguyên Phó Giám đốc Sở T), Trần Quang B (nguyên Phó Giám đốc Sở Xây dựng), Lê Huy T3 (nguyên Phó Chủ tịch UBND thành phố N), Trần Sỹ Q (nguyên Phó Cục trưởng Cục T) và Nguyễn Văn N1 (nguyên Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư) đã vi phạm Điều 112, Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 4, Điều 5 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về giá đất; khoản 2 Điều 1 của Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

Ngày 08-7-2016, Nguyễn Ngọc T6 (nguyên Phó trưởng phòng Phòng Vật giá thuộc Sở T) ký Báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định chứng thư xác định giá đất đối

với khu đất số A T, thành phố N, qua đó tham mưu cho Hội đồng thẩm định giá đất trình UBND tỉnh Khánh Hòa phê duyệt. Tuy nhiên, với tư cách là Tổ trưởng tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định giá đất, Nguyễn Ngọc T6 đã không thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình, không làm đúng quy trình thẩm định giá đất, dẫn đến việc không phát hiện Chứng thư thẩm định giá đưa các thông tin được lập khống để thực hiện phương pháp so sánh xác định giá đất, từ đó dẫn đến việc thẩm định giá đất không đúng. Như vậy, hành vi của Nguyễn Ngọc T6 đã vi phạm Điều 112, Điều 118 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 4, Điều 5 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ quy định về giá đất; khoản 2 Điều 1 của Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 24-4-2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa.

*Đối với việc bán tài sản trên đất của* T10 *Chính trị.*

Ngày 26-4-2016, Đào Công T13 ký ban hành Quyết định số 1067/QĐ-UBND phê duyệt giá trị tài sản trên đất tại số A T, thành phố N, với số tiền là 21.076.345.726 đồng. Ngày 20-6-2016, Nguyễn Ngọc T ký Tờ trình số 2497/TTr-STC đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa giảm 55% giá trị còn lại đối với tài sản trên đất, số tiền sau khi đã giảm 55% còn lại là 9.484.356.000 đồng (21.076.345.726 đồng - 11.591.989.726 đồng). Ngày 30-6-2016, Đào Công T13 ký ban hành Quyết định số 1875/QĐ-UBND phê duyệt lại giá trị tài sản trên đất với số tiền là 9.484.356.000 đồng; ngày 29-7-2016, Nguyễn Ngọc T ký Tờ trình số 3110/TTr-STC đề nghị UBND tỉnh Khánh Hòa bán chỉ định tài sản trên đất tại khu đất số A T, N cho Công ty T20 với số tiền là 9.484.356.000 đồng và ngày 09-8-2016, Đào Công T13 ký Quyết định số 2305/QĐ-UBND bán chỉ định tài sản trên đất tại khu đất số A T, thành phố N cho Công ty T20 với số tiền là 9.484.356.000 đồng.

Như vậy, Quyết định số 1067/QĐ-UBND ngày 26-4-2016 phê duyệt giá trị tài sản còn lại trên đất của T10 Chính trị là **21.076.345.726đ**. Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 30-3-2022, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Bộ xác định giá trị các tài sản này là **21.085.638.000 đồng**. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15-9-2010 của Bộ T23 thì nguyên tắc xác định giá khởi điểm là: *"2. Đối với tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất,... trang thiết bị làm việc,* ***giá khởi điểm của tài sản gắn liền với đất phải đảm bảo phù hợp với giá trị thực tế còn lại****..."*. Do đó, hành vi của Nguyễn Ngọc T, Đào Công T13 trong việc giảm 55% giá trị tài sản trên đất của T10 Chính trị (chỉ còn 9.484.356.000 đồng) đã vi phạm Điều 22, Điều 23 Nghị định số 52/2009/NĐ-CP của Chính phủ; khoản 2 Điều 4 của Thông tư số 137/2010/TT-BTC ngày 15-9-2010 của Bộ T23.

*Tại bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 30-3-2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự cấp Bộ kết luận:*

Giá trị quyền sử dụng đất đối với khu đất tại số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa như sau:

- Tại thời điểm ngày 16-02-2016 là 184.132.743.000 đồng.

- Tại thời điểm ngày 05-10-2020 là 446.043.126.000 đồng.

- Đối với tài sản gắn liền với đất thuộc Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa (cũ) tại khu đất số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa được xác định tại thời điểm ngày 09-8-2016 là 21.085.638.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo kháng cáo: Nguyễn Ngọc T, Vũ Xuân T1, Trần Quang B, Trần Sỹ Q, Lê Huy T3, Trần Văn T5, Nguyễn Ngọc T6 và Nguyễn Văn N1 đủ yếu tố cấu thành tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản Nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Do đó, Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà áp dụng khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự kết án các bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2]. Về hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý, sử dụng tài sản của Nhà nước; gây dư luận xấu trong nhân dân. Trong vụ án này, các bị cáo đều là lãnh đạo UBND tỉnh, lãnh đạo các sở, ban ngành của tỉnh và đều là những người có chức vụ, có quyền hạn, đại diện cho Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng tài sản, nhưng đã thiếu trách nhiệm, tùy tiện trong các quyết định của mình, nên đã gây ra thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước. Các bị cáo kháng cáo xin giảm hình phạt, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét, đánh giá hành vi, xác định vai trò, từ đó có mức hình phạt cụ thể đối với từng bị cáo.

- Đối với Nguyễn Ngọc T và Vũ Xuân T1.

Nguyễn Ngọc T giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính, được giao nhiệm vụ là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh Khánh Hoà. Trong quá trình thẩm định giá đất tại số A T, thành phố N, bị cáo đã không tuân thủ đúng quy trình và nội dung cần thẩm định được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá; đồng thời, với vai trò là Chủ tịch Hội đồng định giá đất và nhà thuộc sở hữu Nhà nước, bị cáo đã tổ chức cuộc họp với các thành viên tham dự không đúng thành phần, dẫn đến việc đề xuất giảm 55% giá trị tài sản không có căn cứ pháp luật; Vũ Xuân T1 là Phó Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh Khánh Hoà, đại diện cho Sở T tỉnh, là người có chuyên môn trong lĩnh vực đất đai, nhưng trong quá trình thẩm định giá đất tại số A T, thành phố N, bị cáo đã không tuân thủ đúng quy trình và nội dung cần thẩm định được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất do UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành. Với hành vi làm thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước, Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đã xử phạt Nguyễn Ngọc T 04 (**bốn**) năm 06 (**sáu**) tháng tù, xử phạt Vũ Xuân T1 03 (**ba**) năm tù.

- Đối với Trần Quang B, Trần Sỹ Q và Lê Huy T3.

Cả ba bị cáo đều là thành viên của Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh Khánh Hoà; trong đó, Lê Huy T3 là thành viên của Hội đồng thẩm định giá đất theo quy định tại khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ. Trong quá trình thẩm định giá đất tại số A T, thành phố N, các bị cáo đã không tuân thủ đúng quy trình và nội dung cần thẩm định được quy định cụ thể tại Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất do UBND tỉnh Khánh Hòa ban hành, đã thống nhất với báo cáo của Tổ giúp việc và ký xác nhận vào Văn bản số 2818/HĐTĐ ngày 08-7-2016, trong đó các thành viên Hội đồng thống nhất giá đất đối với khu đất tại số A T, thành phố N tại thời điểm tháng 02-2016 là: Giá đất

ở 22.492.402 đồng/$m^2$, giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 7.821.029 đồng/$m^2$ theo Báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định ngày 08-7-2016, từ đó làm cho tài sản của Nhà nước bị thất thoát lãng phí, do đó Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đều xử phạt mỗi bị cáo 02 (**hai**) năm tù.

- Đối với Nguyễn Ngọc T6 và Trần Văn T5.

Nguyễn Ngọc T6 là Tổ trưởng của Tổ giúp việc cho Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh Khánh Hoà, bị cáo đã tổ chức cuộc họp để kiểm tra, thẩm định và xem xét Chứng thư do Công ty T21 cung cấp, nhưng thành viên tham dự cuộc họp không đúng thành phần của Tổ giúp việc, dẫn đến không phát hiện Chứng thư do Công ty T21 lập đã sử dụng thông tin khống. Sau đó, bị cáo là người tổng hợp thông tin và ký Báo cáo thẩm tra trình Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh phê duyệt giá đất tại số A T, thành phố N; Trần Văn T5 với chức trách, nhiệm vụ là Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và Công nghiệp đã tham mưu và hoàn tất thủ tục công nhận việc chỉ định nhà đầu tư, nhưng không qua đấu thầu theo quy định của pháp luật. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, nên Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà đều xử phạt mỗi bị cáo 02 (**hai**) năm tù.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Lê Huy T3 kháng cáo xin giảm hình phạt; bị cáo Vũ Xuân T1 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo; các bị cáo Trần Quang B, Trần Sỹ Q và Nguyễn Ngọc T6 rút nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin hưởng án treo; bị cáo Trần Văn T5 kháng cáo xin giảm hình phạt và được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đều không cung cấp được chứng cứ để chứng minh có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời, hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, đều bị truy tố và xét xử theo khoản 3 Điều 219 của Bộ luật Hình sự, có mức phạt tù từ 10 năm đến 20 năm, nhưng do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Ngọc T trên mức khởi điểm (04 năm 06 tháng tù) và xử phạt Vũ Xuân T1 mức án khởi điểm (03 năm tù) của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề của điều luật; áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Lê Huy T3, Trần Quang B, Trần Sỹ Q, Trần Văn T5 và Nguyễn Ngọc T6 mức án 02 năm tù là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhẹ hơn liền kề là đã có lợi cho các bị cáo. Do đó, để cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như để ngăn chặn và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

- Đối với Nguyễn Văn N1:

Bị cáo là thành viên của Hội đồng thẩm định giá đất của tỉnh Khánh Hoà, đã thống nhất với báo cáo của Tổ giúp việc và cùng ký xác nhận vào Văn bản số 2818/HĐTĐ ngày 08-7-2016 thống nhất giá đất khu đất tại số A T, thành phố N tại thời điểm tháng 02-2016 là: Giá đất ở 22.492.402 đồng/$m^2$, giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 7.821.029 đồng/$m^2$ theo Báo cáo kết quả kiểm tra, thẩm định ngày 08-7-2016, từ đó làm cho tài sản của Nhà nước bị thất thoát, lãng phí, do đó bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 02 (**hai**) năm tù.

Bị cáo kháng cáo xin hưởng án treo. Xét thấy, quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nguyên nhân bị cáo phạm tội một phần cũng do không có chuyên môn về giá, về đất đai hoặc về kiến trúc đô thị, tham gia với tư cách kiêm nhiệm, nên không có thông tin về dự án, không có thời gian tiếp cận hồ sơ, chỉ nhận được Báo cáo của Tổ giúp việc, Phiếu lấy ý kiến đã có nội dung đồng ý của Nguyễn Ngọc T; bị cáo phạm tội lần đầu và là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể; quá trình công tác bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc, được Bộ trưởng Bộ K4 và Đầu tư tặng nhiều bằng khen, giấy khen; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, nhưng sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả và tại Tòa án cấp phúc thẩm bị cáo được tập thể lãnh đạo, cán bộ công chức Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa có đơn đề nghị xem xét, giảm hình phạt. Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên đủ điều kiện để được áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của các bị cáo đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng chỉ có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N1.

[3]. Xét kháng cáo của Công ty T20:

[3.1]. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án đã gây thất thoát, lãng phí đối với tài sản Nhà nước là khu đất tại địa chỉ số A T, thành phố N. Khu đất này là vật chứng của vụ án hình sự, lẽ ra cần phải được thu hồi và trả lại cho cơ quan quản lý Nhà nước là UBND tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, hiện nay trên khu đất số A T, thành phố N đã nghiệm thu hoàn thành công trình tòa nhà K - Văn phòng - Khách sạn - Nhà ở chung cư G với nhiều hộ dân đang sinh sống ổn định. Để không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của những người đã mua căn hộ, cũng như để ổn định đời sống xã hội tại địa phương, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần giao cho Công ty T20 được tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất có diện tích 7.388,9 $m^2$ tại số A T, thành phố N. Công ty T20 được hưởng lợi từ quyền sử dụng tài sản là khu đất số A T, thành phố N, trong khi lẽ ra khu đất này phải được thu hồi hoàn trả cho Nhà nước, nên Công ty T20 phải có nghĩa vụ phải hoàn trả cho UBND tỉnh Khánh Hòa toàn bộ giá trị của khu đất tại thời điểm tội phạm được phát hiện (ngày 05-10-2020). Theo Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 30-3-2022 của Hội đồng định giá tài sản cấp Bộ là **446.043.126.000 đồng**, trước đó Công ty T20 đã nộp cho UBND tỉnh Khánh Hòa số tiền sử dụng đất là 121.529.237.098 đồng, do đó Công ty T20 phải tiếp tục nộp cho UBND tỉnh Khánh Hòa số tiền còn lại là **324.513.888.902 đồng**.

Đối với số tiền **11.601.282.000 đồng** bị thất thoát, lãng phí trong quá trình bán tài sản trên đất thuộc Trường Chính trị tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là số tiền Công ty T20 được hưởng lợi không có căn cứ, nên cần thu hồi số tiền này, buộc Công ty T20 phải hoàn trả cho UBND tỉnh Khánh Hòa **11.601.282.000 đồng** mới đúng pháp luật. Như vậy, tổng số tiền Công ty T20 phải

hoàn trả cho UBND tỉnh Khánh Hòa là 324.513.888.902 đồng + 11.601.282.000 đồng = **336.115.170.902 đồng**.

Các bị cáo Nguyễn Chiến T12, Lê Đức V, Đào Công T13, Lê Văn D2, Võ Tấn T14, Nguyễn Ngọc T, Vũ Xuân T1, Trần Quang B, Lê Huy T3, Trần Sỹ Q, Trần Văn T5, Nguyễn Ngọc T6 và Nguyễn Văn N1 là người trực tiếp gây thất thoát, lãng phí tài sản của Nhà nước, lẽ ra các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại đối với toàn bộ số tiền gây thất thoát, lãng phí là 62.603.505.902 đồng; đối với các bị cáo Nguyễn Ngọc T và Đào Công T13 còn gây thất thoát tài sản của Nhà nước 11.601.282.000 đồng giá trị tài sản trên đất. Tuy nhiên, trên thực tế thì Công ty T20 mới là người được hưởng lợi từ việc được tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản này, do đó công ty phải có nghĩa vụ hoàn trả lại toàn bộ giá trị tài sản cho UBND tỉnh Khánh Hòa, nên không buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đối với khoản tiền nêu trên. Tuy nhiên, quá trình điều tra, các bị cáo đã tự nguyện nộp tiền để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả do tội phạm gây ra là 1.606.000.000 đồng, nên số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền bồi thường thiệt hại cho UBND tỉnh Khánh Hòa. Như vậy, Công ty T20 còn phải tiếp tục nộp cho UBND tỉnh Khánh Hòa số tiền cụ thể là 336.115.170.902 đồng - 1.606.000.000 đồng = **334.509.170.902 đồng**.

Sau khi đã nộp đủ khoản tiền nêu trên, Công ty T20 có quyền liên hệ với cơ quan chức năng có thẩm quyền, tiến hành các trình tự, thủ tục để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng tại khu đất số A T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Về việc kê biên tài sản:

Do có cơ sở xác định Công ty T20 là người được hưởng lợi từ việc được tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản là khu đất có diện tích 7.388,9 $m^2$ tại số A T, thành phố N và do không buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, nên Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa "Hủy bỏ các Lệnh Kê biên tài sản: Số 76/LKB-CSKT, số 77/LKB-CSKT, số 78/LKB-CSKT cùng ngày 21-6-2022; số 90/LKB-CSKT, số 91/LKB-CSKT, số 92/LKB-CSKT, số 94/LKB-CSKT, số 95/LKB-CSKT, số 96/LKB-CSKT, số 97/LKB-CSKT và số 98/LKB-CSKT cùng ngày 28-6-2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa" là có căn cứ, đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của Công ty T20 đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5]. Về án phí:

- Các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo Nguyễn Văn N1 được chấp nhận kháng cáo, nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

- Công ty T20 kháng cáo về phần dân sự, nhưng không được chấp nhận, nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Căn cứ các điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356 và điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Vũ Xuân T1, Trần Quang B, Lê Huy T3, Trần Sỹ Q, Trần Văn T5 và Nguyễn Ngọc T6.

- Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N1.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần T20.

- Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2023/HS-ST ngày 06-01-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa về phần Trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn N1.

**2.** Về trách nhiệm hình sự:

**2.1.** Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Ngọc T và Vũ Xuân T1, xử phạt:

- Nguyễn Ngọc T 04 (**bốn**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Vũ Xuân T1 03 (**ba**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.2.** Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Quang B, Lê Huy T3, Trần Sỹ Q, Trần Văn T5 và Nguyễn Ngọc T6, xử phạt:

- Trần Quang B 02 (**hai**) năm 06 (**sáu**) tháng tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Lê Huy T3 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Trần Sỹ Q 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Nguyễn Ngọc T6 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Trần Văn T5 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

**2.3.** Áp dụng khoản 3 Điều 219; các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt:

- Nguyễn Văn N1 02 (**hai**) năm tù về tội "Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước gây thất thoát, lãng phí" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (**bốn**) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao Nguyễn Văn N1 cho Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**3.** Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 246 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 579, Điều 580, Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

**3.1.** Công ty Cổ phần T20 được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng khu đất tại địa chỉ số A đường T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Công ty Cổ phần T20 có nghĩa vụ phải hoàn trả cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa phần giá trị tài sản chênh lệch là **334.509.170.902 đồng** (ba trăm ba mươi bốn tỷ năm trăm lẻ chín triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm lẻ hai đồng).

Sau khi đã nộp đủ khoản tiền nêu trên, Công ty Cổ phần T20 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng tại khu đất số A T, phường L, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành số tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**3.2.** Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc nộp các khoản tiền nhằm khắc phục một phần thiệt hại cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa, cụ thể:

- Nguyễn Ngọc T nộp 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005124 ngày 29-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Vũ Xuân T1 nộp 50.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005125 ngày 29-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Trần Quang B nộp 50.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 17-10-2022 vào tài khoản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

- Lê Huy T3 nộp 50.000.000 đồng theo Giấy nộp tiền ngày 17-10-2022 vào tài khoản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

- Trần Sỹ Q nộp 100.000.000 đồng theo Ủy nhiệm chi ngày 21-10-2022 vào tài khoản của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Khánh Hòa.

- Nguyễn Ngọc T6 nộp 50.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005112 ngày 02-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Trần Văn T5 nộp 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005113 ngày 06-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

- Nguyễn Văn N1 nộp 20.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2021/0005114 ngày 06-12-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Tiếp tục tạm giữ các khoản tiền nêu trên để đảm bảo việc thi hành án cho Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**4.** Về kê biên tài sản:

Căn cứ Điều 130 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Hủy bỏ các Lệnh kê biên tài sản: Số 76/LKB-CSKT, số 77/LKB-CSKT và số 78/LKB-CSKT cùng ngày 21-6-2022; số 90/LKB-CSKT, số 91/LKB-CSKT, số 92/LKB-CSKT, số 93/LKB-CSKT, số 94/LKB-CSKT, số 95/LKB-CSKT số 96/LKB-CSKT, số 97/LKB-CSKT và số 98/LKB-CSKT cùng ngày 28-6-2022, đều của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa.

- Hủy bỏ các Lệnh phong tỏa tài khoản: Số 79/LPT-CSKT, số 80/LPT-CSKT, số 81/LPT-CSKT, số 82/LPT-CSKT, số 83/LPT-CSKT, số 84/LPT-CSKT, số 85/LPT-CSKT, số 86/LPT-CSKT, số 87/LPT-CSKT và số 88/LPT-CSKT cùng ngày 21-6-2022, đều của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa.

- Hủy bỏ các Công văn: Số 362/CSKT ngày 26-5-2021, số 368/CSKT ngày 27-5-2021 và số 403/CSKT ngày 10-6-2021; số 500/CSKT, số 501/CSKT, số 504/CSKT và số 505/CSKT cùng ngày 12-7-2021; số 523/CSKT ngày 21-7-2021, số 559/CSKT ngày 26-7-2021, số 506/CSKT ngày 28-7-2021 số 382/YC-CSKT và số 383/YC-CSKT cùng ngày 14-6-2021, đều của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa.

**5.** Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm b, e và h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

6.1. Án phí hình sự phúc thẩm:

Nguyễn Ngọc T, Vũ Xuân T1, Trần Quang B, Lê Huy T3, Trần Sỹ Q, Nguyễn Ngọc T6 và Trần Văn T5, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Nguyễn Văn N1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

**6.2.** Án phí dân sự:

Công ty Cổ phần T20 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm).

**7.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- TANDTC - Vụ I;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA dân sự tỉnh Khánh Hòa;
- Các bị cáo kháng cáo (theo địa chỉ);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, các Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Phạm Việt Cường**